TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 204/2019/HS-ST
Ngày 22-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Tấn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 231/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phan Đình C, sinh năm 1995; tại tỉnh Cà Mau; hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Khu phố A, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn C, sinh năm 1963 và bà Đặng Thị N, sinh năm 1978; vợ tên Nguyễn Thị O, sinh năm 1996, bị cáo có một con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt ngày 01/5/2019 và chuyển sang tạm giam đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Ông Danh Hữu T, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: Ấp N, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Từ Văn C1, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu phố A, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 30/4/2019, Phan Đình C đi bộ đến tiệm game bắn cá tại khu vực phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương để chơi game. Đến khoảng 12 giờ 30 phút, C chơi game hết tiền nên đi bộ về nhà trọ. Khi đến khu vực gần trạm thu phí thuộc phường Thái Hòa, thị xã T, C gặp ông Danh Hữu T làm nghề chạy xe ôm Grab nên C nói ông T chở về. C nói hết tiền nên yêu cầu ông T chở đến phòng trọ của Ch (bạn của C, không rõ nhân thân) thuộc khu vực phường H, thị xã T để mượn tiền. Đến nơi, Ch không có ở phòng trọ nên C tiếp tục yêu cầu ông T chở về phòng trọ của C ở khu phố A, phường H để xin tiền mẹ. Khi đến nơi, mẹ của C không có ở phòng trọ nên C tiếp tục yêu cầu ông T chở C đến khu vực cầu K để tìm bạn mượn tiền. Trên đường đi, đến khu vực nhà máy nước thuộc khu phố P, phường H, thị xã T, C nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của ông T. Thực hiện ý định, C dùng tay phải lấy 01 con dao Thái Lan dài khoảng 20 cm trong túi quần bên phải và kề dao sát vào hông phải của ông T yêu cầu ông T dừng xe lại chiếm đoạt xe. Lúc này, ông T tri hô, đồng thời giảm tốc độ và nhảy ra khỏi xe làm cho C và xe mô tô ngã xuống đường. Ông T bỏ chạy, C cầm dao đuổi theo ông T một đoạn rồi quay lại để lấy xe. C điều khiển xe môtô biển số 69F1-365.73 của ông T đến gần ngã tư cây xăng H, mở yên xe ra nhìn thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đỏ đen nên lấy bỏ vào túi quần.

Sau đó, C điều khiển xe đến tiệm cầm đồ (không rõ tên, địa chỉ cụ thể) thuộc phường A, thị xã T để cầm xe với giá 2.000.000 đồng. C đến tiệm game bắn cá để trả tiền nợ chơi game trước đó và tiếp tục chơi game. Khi chơi game hết tiền, C gặp một người tên L (không rõ nhân thân) và nhờ L giới thiệu chỗ để bán xe. L đồng ý và điều khiển xe (không rõ biển biển số) chở C đến tiệm cầm đồ trước đó C đã cầm xe và đưa cho C số tiền 2.050.000 đồng để C chuộc lại xe mô tô biển số 69F1-365.73. Sau đó, L điều khiển xe chở C đến gặp T (không rõ lai lịch) tại khu vực phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Sau khi nghe C đặt vấn đề cần bán xe (không có mang giấy tờ) thì Tâm gọi điện thoại cho ông Từ Văn C1 đến gặp C để mua xe. C đồng ý bán xe mô tô biển số 69F1-365.73 cho ông C1 với giá 5.000.000 đồng. Ông C1 đưa trước 3.000.000 đồng cho C và nói C đợi để ông C1 đi mượn tiền trả cho C. Sau đó, ông C1 điều khiển mô tô biển số 69F1-365.73 chạy đi đâu không rõ, lúc này L điều khiển xe chở T chạy theo ông C1. Khoảng 60 phút sau, L quay lại và bảo ông Cưng đổi ý, chỉ đồng ý mua xe với giá 4.000.000 đồng nên ông C1 chỉ đưa cho L thêm 1.000.000 đồng. L yêu cầu C trả 2.000.000 đồng tiền chuộc xe và 500.000 đồng tiền môi giới bán xe nên bảo C đưa thêm 1.500.000 đồng. C đưa cho L 1.500.000 đồng theo yêu cầu của L. Sau đó, C đón xe ôm đến tiệm game bắn cá để tiếp tục chơi game.

Sau khi bị C dùng dao đe dọa và chiếm đoạt xe mô tô 69F1 – 365.73 ông T đến công an phường H trình báo sự việc. Công an mời Phan Đình C về làm việc, tại cơ quan Công an C đã khai nhận hành vi chiếm đoạt xe mô tô 69F1 – 365.73 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đen đỏ của ông T.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô biển số 69F1-365.73 (do ông Từ Văn C1 nộp);

- 01 cây đoản dùng để bẻ khóa xe, 01 đầu hình lục giác, 01 đầu nhọn dẹp; 01 khóa L số 8; 01 điện thoại di động nhã nhiệu Viettel màu đen viền đỏ; 01 con dao dài khoảng 20cm, cán dao bằng nhựa màu vàng dài khoảng 10cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài khoảng 10cm, rộng khoảng 1cm, mũi dao nhọn; 01 áo len màu sọc ngang ba màu đen xanh trắng dài tay; 01 quần sọt hai màu xanh đỏ (do Phan Đình C giao nộp);

- 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 69F1-365.73 (do ông Danh Hữu T giao nộp);

- 01 chiếc dép màu nâu loại dép kẹp, chân bên phải (thu giữ tại hiện trường).

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 244/KLTS-TTHS ngày 03/9/2019 kết luận: Xe mô tô biển số: 69F1-365.73, số máy: E3T6E237912, số khung: RLCUE1710HY162114, đã qua sử dụng có giá trị 16.600.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đen đỏ, đã qua sử dụng có giá trị 130.000 đồng.

Qua xác minh xác định xe mô tô, điện thoại di động trên là tài sản hợp pháp của của ông Danh Hữu T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông T xe mô tô trên cùng giấy chứng nhận đặng ký xe và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đen đỏ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Danh Hữu T yêu cầu bị cáo Phan Đình C bồi thường số tiền 9.000.000 đồng.

Đối với ông Từ Văn C1 có hành vi mua xe mô tô của từ bị cáo Phan Đình C nhưng không biết đây là xe do phạm tội mà có, ông C1 đã giao nộp xe cho Cơ quan Công an nên Cơ quan Điều tra không đề cập xử lý. Ông C1 không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền mua xe. Đối với đối tượng tên T và L chưa xác định được lai lịch nên cơ quan Điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 231/CT-VKSTU ngày 08/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T quyết định: Truy tố bị cáo Phan Đình C về tội "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị hại ông Danh Hữu T yêu cầu bị cáo Phan Đình C bồi thường 9.000.000 đồng là thiệt hại do bị mất thu nhập trong thời gian xe mô tô bị chiếm đoạt và bị tạm giữ; xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Phan Đình C đồng ý bồi thường cho bị hại 9.000.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung cáo trạng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp tài sản". Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38

Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Đình C từ 8 (tám) đến 9 (chín) năm tù về tội "Cướp tài sản". Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đồng ý bồi thường 9.000.000 đồng cho bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy đối 01 dao Thái Lan là công cụ phạm tội và những vật chứng khác là tài sản của bị cáo không còn giá trị sử dụng, bị cáo không yêu cầu nhận lại.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, lời nói sau cùng bị cáo hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Từ Văn C1 vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, ông C1 đã có lời khai trong quá trình điều tra, ông C1 vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt ông C1.

[3] Ông Từ Văn C1 có hành vi mua xe mô tô biển số 69F1-365.73 từ bị cáo nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Điều tra không xử lý là phù hợp. Ông Từ Văn C1 không yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mua xe nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với các đối tượng tên T và L, hiện nay chưa xác định được nhân thân nên Cơ quan Điều tra tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau là phù hợp.

[4] Tại phiên tòa, bị cáo Phan Đình C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời trình bày của bị hại, phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 30/4/2019, bị cáo Phan Đình C đã có hành vi dùng vũ khí nguy hiểm để đe doạ, khống chế làm cho bị hại không thể chống cự nhằm chiếm đoạt xe mô tô biển số 69F1-365.73 và 01 điện thoại di động hiệu Viettel của ông Danh Hữu T. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo kết luận định giá là 16.730.000 đồng (mười sáu triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng). Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật

Hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả, xem thường pháp luật. Do đó, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo, rèn luyện, phấn đấu trở thành công dân có ích. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét toàn diện tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để có một hình phạt tương xứng nhằm giáo dục bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bồi thường 9.000.000 đồng là thu nhập bị mất trong thời gian xe bị chiếm đoạt và tạm giữ. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Xét, đây là ý chí tự nguyện của bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Cơ quan Điều tra đã trả lại xe mô tô biển số 69F1-365.73, giấy đăng ký xe và điện thoại di động cho bị hại là đúng quy định.

- Đối với 01 dao dài 20cm, cán dao bằng nhựa màu vàng dài khoảng 10cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài khoảng 10cm, rộng khoảng 1cm, mũi dao nhọn là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng phải tịch thu tiêu hủy.

- Đối với những vật chứng khác là tài sản của bị cáo, không còn giá trị sử dụng, bị cáo không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy, gồm: 01 cây đoản kim loại dùng bẻ khóa xe, 01 đầu hình lục giác, 01 đầu nhọn dẹp; 01 khóa L số 8; 01 áo len màu sọc ngang ba màu đen xanh trắng dài tay; 01 quần sọt hai màu xanh đỏ; 01 chiếc dép màu nâu loại dép kẹp chân bên phải.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T là phù hợp, đúng quy định.

[11] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 106, 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ điểm d, khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 46 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Phan Đình C phạm tội "Cướp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phan Đình C 8 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/5/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phan Đình C bồi thường cho bị hại ông Danh Hữu T số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

4. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy đối với: 01 cây đoản kim loại dùng bẻ khóa xe 01 đầu hình lục giác, 01 đầu nhọn dẹp; 01 khóa L số 8 kim loại; 01 con dao dài 20cm, cán nhựa màu vàng lưỡi kim loại màu trắng dài khoảng 10cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài khoảng 10cm, rộng khoảng 1cm, mũi dao nhọn; 01 áo len màu sọc ngang ba màu đen xanh trắng dài tay; 01 quần sọt hai màu xanh đỏ; 01 chiếu dép màu nâu loại dép kẹp bàn chân phải.

5. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo Phan Đình C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 450.000 đồng án phí dân sự.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng; (1)
- VKSND thị xã T; (1)
- TAND tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- PV06 - Công an tỉnh Bình Dương; (1)
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã T; (1)
- Cơ quan THAHS Công an thị xã T; (2)
- Chi cục THADS thị xã T; (1)
- Lưu: VT, HS. (2)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh Nga